



cǎo yào
草药

Noun · herb

Example Sentences

zhè shì cǎo yào

这是草药。

This is herbal medicine.

nǚ nǎi yòng cǎo yào zhì gǎn mào

奶奶用草药治感冒。

Grandma uses herbal medicine to treat a cold.

nǐ zhī dào nǎ zhǒng cǎo yào duì huǎn jiě shī mián zuì yǒu xiào ma

你知道哪种草药对缓解失眠最有效吗？

Do you know which herb is most effective for relieving insomnia?

Trace each character, then write the word on your own.

草	草	草	草	草	草	草	草	草	草	草
草										

药	药	药	药	药	药	药	药	药	药	药
药										